

Số: 38/2023/QĐST-DS

N, ngày 26 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành được lập ngày 18/7/2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 134/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tài K, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH M – Chi nhánh Sài Gòn. Địa chỉ: Tầng A, số B đường Đ, phường C, Quận T, TP. Hồ Chí Minh. Do ông Lê Đình V – Trưởng chi nhánh đại diện tham gia tố tụng.

(Giấy ủy quyền số 06/2021/UQ-MTSG, ngày 16/12/2021).

Bị đơn:

Bà Kiều Thị Phi T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Tài Đại Anh K1, sinh năm 1982.

- Chị Tài Nữ Như K2, sinh năm 1985.

- Anh Tài Đại Anh K3, sinh năm 1993.

- Chị Tài Nữ Như K4, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, Ninh Thuận

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH M – Chi nhánh Sài Gòn. Địa chỉ: Tầng A, số B đường Đ, phường C, Quận T, TP. Hồ Chí Minh. Do ông Lê Đình V – Trưởng chi nhánh đại diện tham gia tố tụng. (04 giấy ủy quyền ngày 12/7/2023).

- Ông Từ Thanh H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, Ninh Thuận

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Kiều Thị G với bà Kiều Thị Phi T và ông Từ Thanh H lập ngày 01/01/2013.

- Bà Kiều Thị Phi T và ông Từ Thanh H được quyền sử dụng diện tích đất 930m² (đất LUA) thuộc thửa số thửa số 299, tờ bản đồ 14 tại thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Thửa đất đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 174568 ngày 17/9/2014 cho hộ bà Kiều Thị G).

Có vị trí từ cận như sau:

+ Cạnh hướng Đông: Giáp đường mương;

+ Cạnh hướng Tây: Giáp đường An Long – T;

+ Cạnh hướng Nam: Giáp thửa đất 339;

+ Cạnh hướng Bắc: Giáp thửa đất 300.

(Theo trích lục bản đồ địa chính số 142/2023, ngày 16/01/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh N).

Bà Kiều Thị Phi T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng) cho ông Tài K.

Bà Kiều Thị Phi T và ông Từ Thanh H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký để được cấp hoặc chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trình tự thủ tục cấp, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Tài K đồng ý chịu toàn bộ số tiền chi phí là 3.784.350^d. Ông K đã nộp đủ chi phí.

Về án phí: Bà Kiều Thị Phi T phải nộp 150.000^d án phí DSST không có giá ngạch đối với tranh chấp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 7.500.000^d án phí DSST có giá ngạch đối với số tiền phải hoàn trả cho nguyên đơn. Tổng cộng bà T phải nộp án phí DSST là 7.650.000^d (Bảy triệu sáu trăm lăm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (AV, HS).

THẨM PHÁN

Vũ Văn Cường